

**PHẦN 3: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC:  
THỌ GIỚI, THUYẾT GIỚI, AN CƯ, TỰ TỨ, DA THUỘC,  
Y, THUỐC V.V...**

**Chương IV: TỰ TỨ**

**1. Á Pháp**

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, hạ an cư nơi trú xứ nọ, suy nghĩ rằng, - Làm cách nào chúng ta sống an lạc, không vất vả vì sự ăn uống? Rồi họ bảo nhau, - Chúng ta nên lập quy chế. An cư, không nói chuyện với nhau. Không lễ bái, hỏi chào nhau. Ai vào tự lạc khát thực trước và về trước, thì dọn dẹp chỗ ngồi ăn, trải tọa cụ, sửa soạn đồ đựng nước, đồ rửa chân, đồ đựng thức ăn. Mỗi người tự đem thức ăn đến để chỗ ngồi ăn. Nếu ai nhận được thức ăn nhiều, trước hết nên sốt bớt để lại, nhận đủ thì ăn. Ăn xong, im lặng trở về phòng. Người kế tiếp vào tự lạc khát thực; nhận được thức ăn rồi trở về, đem thức ăn đến chỗ ngồi ăn. Nhận được thức ăn nhiều thì trước hết nên sốt bớt để lại, nhận đủ thì ăn. Nếu nhận được không đủ thì lấy thức ăn người trước để lại đó mà ăn. Ăn xong, im lặng trở về phòng. Người sau cùng vào xóm khát thực, được thức ăn mang về, đem đến chỗ ngồi ăn. Nếu nhận được thức ăn nhiều thì trước hết nên sốt bớt để lại. Nếu nhận đủ thì ăn. Nhận không đủ để ăn thì lấy thức ăn của người trước để lại đó mà ăn. Thức ăn dư thì cho người hành khát hoặc phi nhân. Trường hợp không có người để cho thì đem bỏ chỗ đất sạch, không có cỏ, hoặc để nơi vũng nước không có trùng. Vị ấy dọn dẹp đồ đựng thức ăn để lại chỗ cũ, và tọa cụ, đồ đựng nước, đồ rửa chân tọa cụ; tất cả đều để lại chỗ cũ. Dọn quét chỗ ngồi ăn. Nếu thấy đồ đựng nước, đồ rửa chân trống không, thì đi xách. Nếu tự mình có thể khiêng trở về thì tốt. Bằng không, dùng tay ngoắt bạn để cùng khiêng về chỗ cũ. Rồi im lặng trở về phòng. Chớ không vì lí do nào mà nói bằng lời. Chúng ta lập quy chế như vậy, có thể sống an lạc, không vì sự ăn uống mà khổ sở.

Các Tỳ-kheo áp dụng quy chế trên trong thời gian an cư.

Tự tứ

xong, đến chỗ Đức Phật trong Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn ủy lạo các Tỳ-kheo:

- Các ông có an lạc chăng? Thức ăn uống có đủ chăng? Trụ chỉ có được hòa hợp chăng? Không vì thức ăn mà vất vả chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Chúng con trụ chỉ được an lạc. Đồ ăn thức uống không thiếu thốn. Chúng con đều hòa hợp. Không vì đồ ăn thức uống mà phải khổ.

Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Nhờ phương tiện nào mà các ông trụ chỉ được an lạc, giữa các ông hòa hợp, không vì đồ ăn thức uống mà phải khổ?

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên trên bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông là những người si, tự cho đó là vui mà thật sự là khổ. Các ông là những người ngu si, tự cho đó là điều không tai hoạn, mà thật sự là đại hoạn. Các ông là những người ngu si, cùng ở với nhau như oan gia, như những con cừu. Tại sao vậy? Ta đã dùng vô số phương tiện dạy bảo các Tỳ-kheo, cùng dạy bảo nhau, cùng nhau trao đổi, giác ngộ cho nhau. Các ông là những người ngu si, đồng như ngoại đạo thọ pháp cam. Các ông không được làm theo pháp cam như vậy. Nếu làm theo pháp cam, phạm đột-kết-la<sup>1420</sup>.

## 2. Cầu Thính

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo nói như vậy: Đức Phật dạy, “Các Tỳ-kheo phải cùng dạy bảo nhau, cùng nhau trao đổi, giác ngộ cho nhau.” Họ liền cử tội Tỳ-kheo thanh tịnh. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được vô cớ cử tội người vô tội. Nếu muốn cử tội Tỳ-kheo hữu sự thì trước hết phải nói cho biết, để vị ấy cầu thính,<sup>1421</sup> sau đó mới cử.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe Phật dạy: Trước hết phải nói cho biết, để vị ấy cầu thính, sau đó mới cử. Tỳ-kheo thanh tịnh trước kia đến nhóm sáu Tỳ-kheo cầu thính, nhóm sáu Tỳ-kheo do hờn giận nên úp. Nay đến nhắc Tỳ-kheo thanh tịnh cầu thính trở lại. Các Tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo thanh tịnh trước đó, không được đến nhóm sáu Tỳ-kheo

1420. Thập tụng 2> (T2>n14>5 tr.165b11): Thâu-lan-giá. Ngũ phần (T22n1421 tr.l>la06): đột-kết-la.

1421. Cầu thính 求聽: “xin được nghe.” Cf. Ngũ phần 19 (T22n1421 tr.l>la15), vấn thính 問聽: trước hết phải hỏi vị ấy có chịu nghe không. Nếu chịu nghe thì mới được chỉ điểm. Cầu thính hay vấn thính, đồng nghĩa với tự tứ. Chỉ có khác, tự tứ thực hiện bởi Tăng.

cầu thính. Nhóm sáu Tỳ-kheo không được vì hờn mà lại đến bảo Tỳ-kheo thanh tịnh cầu thính. Từ nay về sau cho phép người đủ năm pháp sau mới được cầu thính: Biết thời chứ không phi thời; như thật chứ không hư dối; có lợi chứ không vô ích; dịu dàng chứ không thô lỗ; từ tâm chứ không sân hận.

Nhóm sáu Tỳ-kheo bản thân không có năm pháp. Các Tỳ-kheo thanh tịnh thì đầy đủ năm pháp. Các vị ấy đến nhóm sáu Tỳ-kheo bảo cầu thính, họ không chịu cầu thính. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép, khi Tỳ-kheo đầy đủ năm pháp bảo cầu thính thì phải cầu thính.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đến người cầu thính rồi bỏ đi; hoặc cho người khác cầu thính rồi lại lia trú xứ. Các Tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được cầu thính nơi người được thính rồi lại bỏ đi, cũng không được cho người cầu thính rồi lại bỏ đi. Từ nay về sau, cho phép, đã hứa hẹn thì không được bỏ đi.

Nhóm sáu Tỳ-kheo hứa với người rồi tự ý bỏ đi, hoặc nhận lời hứa của người rồi cũng lại bỏ đi. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được hứa với người rồi tự ý bỏ đi. Không được nhận lời hứa của người rồi lại tự ý bỏ đi. Từ nay về sau cho phép an cư rồi tự tứ.<sup>1422</sup> Cho phép tự tứ khỏi phải cầu thính. Tại sao vậy? Tự tứ tức là thính.

### 3. Pháp Thức Tự Tứ

1. Các Tỳ-kheo nghĩ: “Phật cho phép các Tỳ-kheo tự tứ.” Các Tỳ-kheo đồng loạt tự tứ gây nên sự ồn ào. Các Tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên đồng loạt tự tứ. Từ nay về sau cho phép tự tứ từng người một.

Các Tỳ-kheo không theo thứ tự mà tùy ý tự tứ khiến Thượng tọa mệt nhọc. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được tùy ý tự tứ, mà phải tự tứ từ nơi Thượng tọa. Cho phép sai người thọ tự tứ bằng bạch nhị yết-ma. Người có năm pháp sau đây không được sai làm người thọ tự tứ: có ái, có nhuế, có bố, có si, không biết tự tứ rồi hay chưa. Người có năm pháp sau đây nên sai làm

1422. Ngũ phân, đã dẫn: Các Tỳ-kheo nói, duy chỉ A-la-hán mới xứng đáng bảo cầu thính thôi. Nhân đó, Phật dạy pháp tự tứ.

người thọ tự tứ: Không ái, không nhuế, không bố, không si, biết người tự tứ rồi hay chưa. Pháp thức sai như sau: người đủ điều kiện là thượng tọa hoặc thứ tọa, tụng luật được hay không tụng luật được mà có khả năng bạch nhị yết-ma; dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai Tỳ-kheo có tên... làm người thọ tự tứ. Đây là lời tác bạch!

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng sai Tỳ-kheo có tên... làm người thọ tự tứ. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo có tên... làm người thọ tự tứ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo có tên... làm người thọ tự tứ rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

2. Có các Tỳ-kheo ngồi tại chỗ tự tứ. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch với Phật. Đức Phật dạy:

- Không được ngồi tại chỗ mà tự tứ. Phải rời chỗ ngồi, và quỳ để tự tứ.

Bấy giờ, Thượng tọa rời chỗ ngồi để tự tứ. Tất cả Tăng lại ngồi tại

chỗ mà tự tứ. Đức Phật dạy:

- Nếu Thượng tọa rời chỗ ngồi và quỳ thì tất cả Tăng cũng phải rời chỗ ngồi và quỳ.

Thượng tọa tự tứ rồi vẫn quỳ, chờ tất cả Tăng tự tứ xong. Thượng tọa bị mỗi một. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tự tứ xong, cho phép tùy ý ngồi.

>. Nhóm sáu Tỳ-kheo nghĩ: Chúng ta lén nói tự tứ. Nếu không, Tỳ-kheo kia hoặc có thể vì tác yết-ma ngăn ta tự tứ. Các Tỳ-kheo đem việc này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được có ý nghĩ lén nói tự tứ, sợ Tỳ-kheo khác vì mình tác yết-ma hoặc ngăn mình tự tứ. Phải nói tự tứ một cách rõ ràng, đầy đủ, khiến cho người khác nghe được.

Nhóm sáu Tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta nên tự tứ nhanh. Nếu không, Tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma ngăn tự tứ.” Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được có ý nghĩ, ta nên tự tứ nhanh; nếu không, Tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn ta tự tứ. Từ nay về sau cho phép an cư rồi thông thả tự tứ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta nên nói tự tứ một lần. Nếu không, Tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.” Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được có ý nghĩ: Ta nên nói tự tứ một lần. Nếu không, Tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo tự nghĩ: “Ta phải nói lại tự tứ, sợ Tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.” Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được có ý nghĩ: ta phải nói lại tự tứ, sợ Tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ. Từ nay về sau cho phép Tỳ-kheo nói tự tứ ba lần.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lật ngược y tự tứ, quấn y nơi cổ tự tứ, trùm trên đầu tự tứ, phủ cả hai vai tự tứ, mang giày dép tự tứ, hoặc ngồi nơi đất tự tứ, hoặc ngồi trên giường tự tứ. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được lật ngược y, quấn y nơi cổ, trùm trên đầu, phủ cả hai vai, mang giày dép, ngồi nơi đất, ngồi trên giường để tự tứ. Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, cùng quỳ chắp tay, tác bạch như sau:

- Hôm nay Đại đức chúng Tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo... cũng tự tứ. Nếu thấy, nghe, nghi tôi có tội, xin Đại đức Trưởng lão thương xót chỉ bảo tôi. Nếu tôi thấy có tội sẽ như pháp sám hối.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối, chắp tay trong thời gian lâu nên căn bệnh tăng thêm. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép Tỳ-kheo bệnh với bất cứ hình thức nào mà thân được an, thì thọ tự tứ.

4. Bấy giờ có trú xứ nọ, Tỳ-kheo tự tứ, có Tỳ-kheo ở ngoài thuyết giới đường. Các Tỳ-kheo tự tứ rồi đi ra ngoài, Tỳ-kheo ấy hỏi:

- Các trưởng lão đi đâu? Không tự tứ hay chẳng?

Các Tỳ-kheo kia trả lời:

- Tôi tự tứ rồi. Thầy từ đâu đến?

Vị kia nói:

- Tôi ở ngoài thuyết giới đường.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, khi tự tứ không được ở ngoài thuyết giới đường. Tỳ-kheo ngồi gần nên biết vị ấy có đến hay không. Tác bạch trước rồi sau mới tự tứ.

Văn tác bạch:

- Đại đức tăng, xin lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng tự tứ. Nếu

thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hòa hợp tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Bạch như vậy rồi tự tứ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo tự tứ phi pháp biệt chúng, tự tứ phi pháp hòa hợp chúng, tự tứ pháp biệt chúng. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được tự tứ phi pháp biệt chúng, tự tứ phi pháp hòa hợp chúng, tự tứ pháp biệt chúng.

- Có bốn loại tự tứ: Tỳ-kheo tự tứ phi pháp biệt chúng, tự tứ phi pháp hòa hợp, tự tứ như pháp biệt chúng, tự tứ như pháp hòa hợp. Nếu Tỳ-kheo tự tứ phi pháp biệt chúng, tự tứ phi pháp hòa hợp, tự tứ như pháp biệt chúng, như vậy là không thành tự tứ. Tự tứ như pháp hòa hợp là đúng pháp tự tứ. Đó là pháp tự tứ mà ta dạy.

5. Bây giờ, khi tự tứ, nơi trú xứ nọ, người tiền an cư, hậu an cư ở chung, không biết nên tự tứ theo tiền an cư hay hậu an cư. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tùy theo Thượng tọa ở nơi đó mà tự tứ. Thượng tọa có tiền an cư, có hậu an cư thì nên theo vị cựu trú mà tự tứ. Vị cựu trú cũng có tiền an cư, có hậu an cư thì nên theo số đông mà tự tứ.

Các Tỳ-kheo muốn tự tứ vào ngày mười bốn hay rằm. Đức Phật dạy:

- Cho phép tự tứ như vậy. Nếu nhà Vua có thay đổi ngày thì nên tùy theo đó.

Các Tỳ-kheo không biết nên tự tứ ngày hôm nay hay để ngày mai.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép vào bữa đại thực hay tiểu thực, Thượng tọa xướng: Hôm nay chúng Tăng tự tứ.

Các Tỳ-kheo không biết nên vào lúc nào. Đức Phật dạy:

- Cho phép báo hiệu bằng cách đánh kiền chùy hay thổi ốc, đánh trống, hay un khói, hoặc dựa theo bóng, xướng: Giờ tự tứ đến!

Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe Phật cho phép tự tứ liền ở trong phòng riêng cùng những vị đồng Hòa thượng, A-xà-lê quen biết, đồng học và ăn ý với nhau, riêng rẽ tác pháp tự tứ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được ở trong phòng riêng cùng những vị đồng Hòa thượng, A-xà-lê quen biết, đồng học và ăn ý với nhau riêng rẽ tác pháp biệt bộ tự tứ. Từ nay về sau hòa hợp lại một chỗ để tự tứ.

Các Tỳ-kheo lại không biết tự tứ ở chỗ nào, bạch Phật, Phật dạy:

- Cho phép tự tứ nơi thuyết giới đường.

6. Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo, ngày tự tứ, nơi chẳng phải thôn, A-lan-nhã, chỗ chưa kết giới, ngay trên đường đi, suy niệm: “Đức Phật dạy chúng ta hòa hợp tự tứ. Bấy giờ chúng ta nên làm thế nào?” Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu có số đông Tỳ-kheo, đến ngày tự tứ, nơi chẳng phải thôn, A-lan-nhã, chỗ chưa kết giới, ngay trên lộ trình, nếu các Tỳ-kheo hòa hợp được tự tứ là tốt, bằng không thể hòa hợp được, tùy theo đồng Hòa thượng, A-xà-lê, quen biết đồng ý với nhau dời đến chỗ khác, kết tiểu giới để tác pháp tự tứ, bằng pháp bạch nhị yết-ma. Pháp kết tiểu giới như sau:

Sai một vị có khả năng yết-ma, hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, hoặc tụng luật được hay không tụng luật được, miễn có khả năng yết-ma tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Chỗ ngồi các Tỳ-kheo vừa đủ kín. Trong vòng chỗ các Tỳ-kheo ngồi đó, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng kết tiểu giới. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Chỗ ngồi các Tỳ-kheo vừa đủ kín. Trong vòng chỗ các Tỳ-kheo ngồi, Tăng kết tiểu giới nơi đây, các trưởng lão nào đồng ý trong giới hạn chỗ các Tỳ-kheo ngồi, Tăng kết tiểu giới nơi đây, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã đồng ý trong giới hạn chỗ Tỳ-kheo ngồi, kết tiểu giới rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bỏ đi mà không xả giới. Các Tỳ-kheo không vui, liền đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được bỏ đi mà không xả giới, nên xả giới rồi sau đó mới đi.

Pháp thức xả bằng bạch Nhị yết-ma như sau: sai một vị có khả

năng hoặc thượng tọa hay thứ tọa, hoặc tụng luật được hay không, miễn có thể tác yết-ma, tác bạch như sau:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Trong vòng chỗ các Tỳ-kheo ngồi, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng giải tiểu giới này, đây là lời tác bạch.

- Đại đức tăng xin lắng nghe! Trong vòng chỗ các Tỳ-kheo ngồi, Tăng giải tiểu giới nơi đây. Các trưởng lão nào đồng ý trong giới hạn chỗ các Tỳ-kheo ngồi, Tăng giải tiểu giới, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã đồng ý trong giới hạn chỗ các Tỳ-kheo ngồi, giải tiểu

giới rồi. Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.<sup>142></sup>

Bấy giờ, đến ngày tự tứ, trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo ở. Vị ấy nghĩ: “Đức Thế Tôn dạy hòa hợp một chỗ cùng nhau tự tứ. Nay ta nên làm thế nào?” Vị ấy liền bạch các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Ngày tự tứ, trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo ở, vị kia nên đến chỗ thuyết giới lau quét, trải tọa cụ, chuẩn bị đồ đựng nước, đồ rửa chân, đốt đèn, sắp xá-la, chờ khách Tỳ-kheo đến. Nếu khách Tỳ-kheo đến năm người<sup>1424</sup> hay hơn năm người thì nên tác bạch yết-ma, sai người thọ tự tứ.

Nếu chỉ bốn người, thì cùng tự tứ lẫn nhau, nói: “Hôm nay chúng Tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo tên là... cũng thanh tịnh tự tứ.” Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Nếu có ba người, hai người cũng tự tứ như vậy. Nếu có một người thì tâm niệm, miệng nói: “Hôm nay chúng Tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo tên là... cũng thanh tịnh tự tứ.” Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Nếu có năm người, một người thọ dục, thì không được bạch yết-ma sai người thọ tự tứ. Nếu có bốn người, không được nhận dục của người thứ năm,<sup>1425</sup> lại cùng tương hỗ tự tứ.<sup>1426</sup> Nếu có ba người, không được nhận dục của người thứ tư,<sup>1427</sup> lại cùng tương hỗ tự tứ. Nếu có hai người không được nhận dục của người thứ ba, ngoài ra hai người lại cùng tương hỗ tự tứ. Nếu có một người không được nhận dục của người thứ hai để tâm niệm tự tứ.

#### 4. Chúc Thọ Tự Tứ

Bấy giờ, đến ngày tự tứ, chúng Tăng tập hợp để tự tứ, Đức Phật bảo, - Các Tỳ-kheo hãy tĩnh lặng, hôm nay chúng Tăng tự tứ. Các Tỳ-kheo khác bạch Phật: Có Tỳ-kheo bệnh không đến được. Đức Phật dạy:

- Cho phép gọi tự tứ, cho phép chúc thọ tự tứ.

Người bệnh gọi dục như sau: “Tôi gọi tự tứ cho thầy.” Hoặc nói: “Tôi xin nói với thầy tự tứ.” Hoặc nói: “Xin thầy nói tự tứ giùm tôi.”

142>. Hết quyển >7.

1424. Năm người, kể luôn Tỳ-kheo trú xứ.

1425. Bốn người hiện diện, không được nhận dục để báo có người thứ năm nhưng vắng mặt.

1426. Cf. Pali, Vin. i. 16>: Ở đó có 5 Tỳ-kheo, không được nhận tự tứ dục (ekassa pavāranamāharitvā) để tác Tăng pháp tự tứ (sanghe pavāretabbam). Có bốn, không được nhận dục một người để tác đối thủ tự tứ.

1427. Xem cht. 6 & 7 trên.



Hoặc dùng thân cử động để ra dấu hiệu tự tứ, hoặc nói đầy đủ việc tự tứ. Như vậy gọi là gọi tự tứ. Nếu không cử động thân hoặc không nói bằng lời thì không thành gọi tự tứ, nên gọi tự tứ lại.

Tỳ-kheo chúc thọ đến chỗ người bệnh rồi mạng chung, hoặc ra khỏi giới, hoặc thôi tu, đến nơi trú xứ ngoại đạo, hoặc hòa vào với đồng bọn phá Tăng, hay đến trên giới trường, hay khi dấu hiệu bình minh xuất hiện, hoặc tự nói phạm biên tội, hoặc phạm Tỳ-kheo-ni, hoặc vào đạo với tặc tâm, hoặc từ ngoại đạo trở lại, hoặc huỳnh môn, hoặc giết cha mẹ, hoặc giết A-la-hán, hoặc phá Tăng, hoặc với ác tâm làm thân Phật ra máu, hoặc là phi nhân, hoặc là súc sinh, hoặc hai căn, hoặc bị người cử, hoặc diệt tẩn, hoặc đáng diệt tẩn. Nếu gọi cho những hạng người như vậy thì không thành chúc thọ tự tứ, nên gọi lại người khác.

Hoặc trên đường đi, hoặc đến trong Tăng có sự việc như vậy phát sinh: bị Tăng tác yết-ma bất kiến tội, hoặc tác yết-ma không sám hối tội, hoặc tác yết-ma không xả ác kiến; thì không thành chúc thọ tự tứ. Nên gọi lại cho người khác.

Nếu (người nhận chúc thọ) vì ngủ mà quên nói; hoặc nhập định; hoặc nhầm lẫn quên; hoặc không cố ý làm; đến chỗ tự tứ thì vẫn gọi là vì chúc thọ tự tứ mà đến.

Nếu (người nhận chúc thọ) cố ý không nói, phạm đột-kết-la. (Đối với người bệnh) nếu có thể làm (những việc như trên) như

vậy thì tốt, bằng không thể làm được thì vị kia nên dìu người bệnh đi, hay dùng giường dây, giường cây, hoặc xếp y lại khiêng đến chỗ tự tứ. Nếu Tỳ-kheo kia nghĩ rằng, chúng ta dìu đến sợ bệnh càng tăng, hoặc có thể đưa đến sự chết, thì chúng Tăng nên đến hết nơi chỗ người bệnh để tác yết-ma tự tứ. Nếu có nhiều Tỳ-kheo bệnh tập trung lại một chỗ thì tốt, bằng không thì các Tỳ-kheo nên ra ngoài giới để tác yết-ma tự tứ, chứ không được biệt chúng tự tứ.

Có Tỳ-kheo nhận chúc thọ tự tứ rồi mạng chung, hoặc thôi tu, hoặc đến trên giới trường, hoặc khi dấu hiệu bình minh xuất hiện. Các Tỳ-kheo nghĩ: Như vậy có mất chúc thọ tự tứ hay không? Đức Phật dạy: Mất.

Có Tỳ-kheo chúc thọ tự tứ rồi, trên đường đi bị trở ngại, bị nạn giặc, hổ lang, sư tử, nước lụt, trong cương giới đường bị đứt không thể đến, mang chúc thọ tự tứ đến ngoài giới. Các Tỳ-kheo nghĩ: Có mất chúc thọ tự tứ hay không? Đức Phật dạy:

- Không mất<sup>1428</sup>.

1428. Xem Chương Thuyết giới, mục “Dữ dục.”

- Từ nay về sau, Tỳ-kheo nhận chúc thọ tự tứ, gặp phải mạng nạn, phạm hạnh nạn, trong cương giới không có đường đi, cho phép từ ngoài giới mang chúc thọ tự tứ đến, trường hợp đó Ta nói không mất chúc thọ.

Các Tỳ-kheo nhận chúc thọ tự tứ của một người, e ngại không dám nhận chúc thọ tự tứ người thứ hai, bèn đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

Tỳ-kheo nhận hai người chúc thọ tự tứ, e ngại không dám nhận chúc thọ tự tứ người thứ ba, bèn đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

Tỳ-kheo nhận ba người chúc thọ tự tứ, e ngại không dám nhận bốn người chúc thọ tự tứ, liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận nhiều hay ít theo khả năng có thể nhớ được tên. Nếu nhớ hết được tên thì nói tên, bằng không nhớ hết tên thì nói họ, hoặc nói tướng mạo, hoặc nói “Tôi nhận một số đồng Tỳ-kheo chúc thọ tự tứ, các vị ấy, Tăng sự như pháp xin gửi dục nói tự tứ.

Tỳ-kheo tuổi nhỏ không biết tự tứ, báo cáo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, Hòa thượng, A-xà-lê nên dạy về. Nếu dạy mà họ ưa quên không nhớ, nên khiến người thọ tự tứ dạy. Nếu họ vẫn quên, nên đọc từng câu một.

Tỳ-kheo nhận chúc thọ tự tứ rồi, có công việc xảy đến. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép chuyển dục cho các người khác như sau: “Tôi đã nhận chúc thọ tự tứ cho số đồng Tỳ-kheo. Nay tôi bận việc, tôi gửi dục cho các vị kia và tôi gửi luôn dục của tôi. Tăng sự như pháp gửi dục nói tự tứ.”

Tỳ-kheo kia gửi dục rồi, công việc xong, trở về. E ngại rằng, tôi đã chuyển chúc thọ tự tứ rồi, không biết nên như thế nào. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Việc xong nên đến. Không đến, như pháp trị.

### **5. Phá Tự Tứ**

Nhóm sáu Tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta không nên đến chỗ tự tứ. Vì ta sợ bị tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.”<sup>1429</sup> Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được nói có ý nghĩ: “Ta không nên đến chỗ tự tứ, sợ các

1429. Cf. Vin. i. 170: Phật quy định tác bạch ngăn không cho Tỳ-kheo phạm tội tự tứ (pavāranam uhapetum).

Tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.”

Nếu vì tri thức thân hậu không đến chỗ tự tứ cũng như vậy.

Nhóm sáu Tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta đến chỗ tự tứ nhưng không ngồi, sợ các Tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.” Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được nói có ý nghĩ: đến chỗ tự tứ nhưng không ngồi, sợ các Tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.

Nếu vì tri thức quen biết cũng như vậy.

Có vị tự nghĩ: “Nếu ta đến đó nhưng không nói tự tứ, sợ các Tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.” Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được nói có ý nghĩ: ta đến đó nhưng không nói tự tứ, sợ các Tỳ-kheo vì ta tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.

Nếu vì tri thức thân hậu cũng như vậy.

Bấy giờ, ngày tự tứ đến, có trú xứ nọ chúng Tăng hòa hợp, chuẩn bị tự tứ, nghe có giặc đến; sợ hãi nên rời chỗ ngồi bỏ đi, không tự tứ. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu có tám nạn và sự xảy đến thì cho phép nói lược tự tứ. Trong đó, Tám nạn là: nạn Vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn bệnh, nạn người, nạn phi nhân, nạn độc trùng.

Trong đó, sự là, chúng Tăng đông mà chỗ ngồi chật hẹp, hoặc nhiều vị bị bệnh thì nên nói lược tự tứ. Nếu chúng Tăng đông mà phòng xá nhỏ, hoặc trời mưa thì nên nói lược tự tứ. Hoặc bố-tát mà đem đi qua đã lâu, hoặc có sự đấu tranh, hoặc luận bàn A-tỳ-đàm, hay đoán sự Tỳ-ni, thuyết pháp, hoặc đã lâu chúng Tăng chưa đứng dậy, tướng bình minh chưa xuất hiện thì nên yết-ma tự tứ.

Nhận sự chúc thọ của người khác, không được để đến tướng bình minh xuất hiện. Nếu đến khi tướng bình minh xuất hiện thì không được yết-ma tự tứ.

Các Tỳ-kheo có ý nghĩ và nói như vậy: “Vì nạn sự nên nói lược tự tứ.” Nếu nạn sự còn xa, chúng ta có đủ thì giờ để nói tự tứ đầy đủ, thì các Tỳ-kheo nên nói tự tứ đầy đủ. Nếu không nói tự tứ đầy đủ thì sẽ như pháp trị.

Các Tỳ-kheo lại nói như vậy: “Vì nạn sự nên lược nói tự tứ.” Nay nạn sự không còn xa. Ta không nói đủ tam ngữ tự tứ được nên chỉ nói hai lần tự tứ, thì Tỳ-kheo nên nói hai lần tự tứ. Nếu không tái thuyết tự tứ thì sẽ như pháp trị.

Các Tỳ-kheo lại nói: “Vì nạn sự nên lược nói tự tứ.” Nay nạn sự

đã gần kề, không đủ thì giờ để nói hai lần tự tứ được. Có thể chỉ nói một lần tự tứ, thì Tỳ-kheo nên nói một lần tự tứ. Nếu không nói sẽ như pháp trị.

Các Tỳ-kheo lại nói: “Vì nạn sự nên lược nói tự tứ.” Nạn sự quá gần, không đủ thì giờ nói một lần tự tứ. Chúng ta có thể đủ thì giờ tất cả đồng loạt nói tam ngữ tự tứ. Trường hợp này văn tác bạch như sau:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đồng loạt nói tam ngữ tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch như vậy rồi đồng loạt nói tam ngữ tự tứ. Nói lại; nói một lần, cũng vậy.

Các Tỳ-kheo lại nói: “Vì nạn sự nên đồng loạt nói tam ngữ tự tứ.” Nạn sự gần, không thể nói đồng loạt tam ngữ tự tứ, cũng không thể tác bạch. Tỳ-kheo vì nạn sự này nên ra đi.

### **6. Già Tự Tứ**

Bấy giờ có trú xứ, Tỳ-kheo phạm tăng tàn, vị kia không biết nên làm thế nào, nên báo với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu Tỳ-kheo nơi trú xứ nào đó có phạm tăng tàn, Tỳ-kheo đó cần được cho phú tàng thì phải trao phú tàng. Trao yết-ma phú tàng rồi mới tự tứ. Cần trao cho bốn nhật trị thì phải trao bốn nhật trị. Trao yết-ma bốn nhật trị rồi mới tự tứ. Cần trao Ma-na-đỏa thì phải trao Ma-na-đỏa. Trao yết-ma Ma-na-đỏa rồi mới tự tứ. Cần trao pháp xuất tội thì phải trao pháp xuất tội. Trao yết-ma xuất tội rồi mới tự tứ.

Bấy giờ, đến ngày tự tứ, một trú xứ nọ có Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề. Có vị nói phạm Ba-dật-đề; có vị nói phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni. Các Tỳ-kheo ở đó nói, “Chúng ta nên như thế nào?” Liền báo cáo với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu ngày tự tứ, trú xứ nào đó có Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo nơi đó hoặc nói phạm Ba-dật-đề, hoặc nói phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nếu biết vị ấy phạm Ba-dật-đề thì nên đưa người này đến một nơi, khiến người nói phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni ở chỗ mắt thấy tai không nghe, hướng dẫn Tỳ-kheo phạm sám hối. Rồi đến chỗ Tỳ-kheo nói phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni nói: “Tỳ-kheo phạm tội, tôi đã báo sám hối rồi.” Nên phương tiện tác pháp như vậy rồi tự tứ.

Bấy giờ, ngày tự tứ, trú xứ nọ có Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo, vị thì nói phạm Thâu-lan-giá, vị thì nói phạm Ba-la-di. Những vị nói phạm Thâu-lan-giá đều là hàng đa văn, thông suốt A-hàm, A-

tỳ-đàm, trì luật, thuộc hạng Tỳ-kheo được nhiều người biết đối với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc Vua, hoặc đại thần, hoặc các hàng ngoại đạo Sa-môn phạm chí. Tỳ-kheo nói phạm Ba-la-di cũng là hàng đa văn, thông A-hàm, A-tỳ-đàm, trì luật, lại cũng thuộc hạng nhiều tri thức đối với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni... cho đến Sa-môn phạm chí. Các Tỳ-kheo nói, “Nếu tự tứ hôm nay, có thể chúng Tăng có sự tranh cãi. Có thể Tăng bị vỡ. Hoặc sinh ra trần cấu ô nhiễm cho Tăng, khiến chúng Tăng chia rẽ. Vậy chúng ta nên làm thế nào?” Họ liền báo với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu ngày tự tứ, trú xứ nào đó có Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo, người thì nói phạm Thâu-lan-giá, kẻ thì nói phạm Ba-la-di. Tỳ-kheo nói phạm Thâu-lan-giá là hạng đa văn, thông A-hàm, A-tỳ-đàm, trì luật, được nhiều người biết đối với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc Vua, hoặc đại thần, hoặc các hàng ngoại đạo Sa-môn, phạm chí. Tỳ-kheo nói phạm Ba-la-di cũng thuộc về hàng đa văn, thông A-hàm, A-tỳ-đàm, trì luật, nhiều tri thức với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni... cho đến Sa-môn phạm chí. Các Tỳ-kheo nói, “Nếu tự tứ hôm nay, có thể chúng Tăng có sự tranh cãi. Có thể Tăng bị vỡ. Hoặc sinh ra trần cấu ô nhiễm cho Tăng, khiến chúng Tăng chia rẽ.” Nếu sợ Tăng bị vỡ thì không nên tự tứ liền ngày hôm đó mà nên đình lại thời gian rồi sẽ tự tứ.

Khi tự tứ, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe Đức Phật cho phép ngăn tự tứ, liền ngăn Tỳ-kheo thanh tịnh không cho tự tứ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được ngăn Tỳ-kheo thanh tịnh tự tứ. Nếu ngăn thì giống như không ngăn. Nếu ngăn mà không có căn cứ, không tác nhân,<sup>14>0</sup> đó gọi là không ngăn tự tứ. Nếu ngăn có căn cứ, có tác nhân, đó mới gọi là ngăn tự tứ. Nếu ngăn không căn cứ, không tác nhân hữu dư,<sup>14>1</sup> đó không gọi là ngăn tự tứ. Nếu ngăn có căn cứ, có tác nhân hữu dư,<sup>14>2</sup> đó gọi là ngăn tự tứ. Nếu ngăn không căn cứ, không tác nhân vô dư, đó không gọi là ngăn tự tứ. Nếu ngăn có căn cứ, có tác nhân vô dư, đó gọi là ngăn tự tứ.

Nếu ngăn khi chưa nói tam ngữ tự tứ, gọi là không ngăn tự tứ. Nói tam ngữ tự tứ rồi mà ngăn tự tứ, cũng không gọi là ngăn tự tứ. Ngay khi

14>0. Vô căn, bất tác 無根不作. Cf. Pali, Vin.i. 170: avatthusmim akārame, không có cơ sở (căn), không có lý do (tác).

14>1. Hữu dư bất tác 有餘不作. Không có lý do tuy chưa đầy đủ.

14>2. Hữu dư tác 有餘作. Có lý do tuy chưa đầy đủ.

nói tam ngữ tự tứ nếu ngăn tự tứ mới gọi là ngăn tự tứ. Nói một lần, nói hai lần, cũng như vậy.

Người ngăn tự tứ, nếu thân nghiệp mà không thanh tịnh, khẩu không thanh tịnh, ý nghiệp không thanh tịnh, không có trí, không phân minh, không biết hỏi, không biết trả lời. Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo này: “Thôi đi, trưởng lão khỏi phải khởi lên việc tranh cãi.” Rồi không nghe theo Tỳ-kheo đó, mà nên tự tứ.

Nếu người ngăn tự tứ mà thân nghiệp thanh tịnh, nhưng khẩu, ý nghiệp không thanh tịnh, không có trí, không phân minh, không biết hỏi, không biết trả lời. Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo này: “Thôi đi, trưởng lão khỏi phải khởi lên việc tranh cãi.” Rồi không nghe theo Tỳ-kheo đó, mà nên tự tứ.

Nếu người ngăn tự tứ mà thân, khẩu nghiệp thanh tịnh, nhưng ý nghiệp không thanh tịnh, không có trí, không phân minh, không biết hỏi, không biết trả lời, thì các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo này: “Thôi đi, trưởng lão khỏi phải khởi lên việc tranh cãi.” Rồi không nghe theo Tỳ-kheo đó, mà nên tự tứ.

Nếu người ngăn tự tứ mà thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh, có trí, phân minh, có khả năng hỏi và trả lời, thì các Tỳ-kheo nên hỏi Tỳ-kheo này: “Vì sao mà thầy ngăn Tỳ-kheo này tự tứ? Vì phạm giới nên thầy ngăn? Hay vì phá kiến mà ngăn? Hay vì thầy này phá oai nghi mà thầy ngăn?” Nếu vị kia trả lời: “Vì phá giới cho nên ngăn” thì nên hỏi phạm những giới nào? Nếu nói phạm Ba-la-di, tăng tàn, Thâu-lan-giá, đó gọi là phạm giới. Nếu nói không vì phá giới mà ngăn mà vì phá kiến nên ngăn thì nên hỏi: “Phá kiến nào?” Nếu nói sáu mươi hai kiến, các tà kiến, đó gọi là phá kiến.

Nếu nói không vì phá kiến mà ngăn, mà vì phá oai nghi nên ngăn thì hỏi: “Phá oai nghi nào?” Nếu nói phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, đột-kết-la, ác thuyết, đó gọi là phá oai nghi. Nên hỏi thêm: “Do sự<sup>14>></sup> gì mà ngăn người khác tự tứ? Vì thấy, nghe hay nghi mà ngăn?”

Nếu trả lời vì thấy thì nên hỏi: “Thấy việc gì? Thấy như thế nào? Bởi nguyên nhân nào mà thấy? Tỳ-kheo kia lại vì nguyên nhân gì khiến cho thầy thấy? Thầy (840a1) ở tại chỗ nào? Thầy kia ở tại chỗ nào? Thấy việc gì mà nói là phạm Ba-la-di, tăng tàn, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kết-la, ác thuyết?”

Nếu nói không thấy, nhưng do nghe thì nên hỏi: “Nghe việc gì? Nghe như thế nào? Nghe từ ai? Nghe từ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-

14>>. Sự 事, trên kia nói là căn 根 (pali: vatthu) tức cơ sở nêu tội để ngăn tự tứ.

tắc, Ưu-bà-di? Nghe phạm việc gì: Ba-la-di, tăng tàn, cho đến ác thuyết chẳng?”

Nếu nói không nghe mà do nghi, thì hỏi: “Nghi việc gì? Nghi như thế nào? Nghe từ ai mà sinh nghi: từ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chẳng? Nghi việc gì: Ba-la-di, tăng tàn... cho đến ác thuyết chẳng?”

Nếu người ngăn tự tứ không thể trả lời. Nếu người ấy có trí mà dùng Ba-la-di để ngăn thì phải trao cho người ấy tội tăng tàn,<sup>14>4</sup> rồi Tăng mới tự tứ. Nếu vị dùng tội tăng tàn để ngăn, thì phải trao cho tội Ba-dật-đề,<sup>14>5</sup> rồi Tăng mới tự tứ. Nếu người ấy dùng tội Ba-dật-đề để ngăn thì phải trao cho các tội khác,<sup>14>6</sup> rồi Tăng mới tự tứ. Nếu người ấy dùng các tội khác để ngăn thì nên như pháp trị, rồi Tăng mới tự tứ.

Nếu người ngăn tự tứ có trí, có thể trả lời. Nếu ngăn vì phạm Ba-la-di thì nên diệt tận,<sup>14>7</sup> rồi Tăng tự tứ. Nếu ngăn vì phạm tăng tàn, thì nên trao cho ba-lợi-bà-sa hay bốn nhật trị, hoặc Ma-na-đỏa, hay xuất tội, rồi tự tứ. Nếu ngăn vì phạm Ba-dật-đề, thì cho sám hối, rồi tự tứ. Nếu dùng các việc khác để ngăn thì nên như pháp trị rồi tự tứ.<sup>14>8</sup>

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày tự tứ, Tỳ-kheo bệnh ngăn Tỳ-kheo bệnh tự tứ. Vị kia không biết làm thế nào, liền báo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu có trú xứ nào, ngày tự tứ, Tỳ-kheo bệnh ngăn Tỳ-kheo bệnh tự tứ, thì Tỳ-kheo kia nói với Tỳ-kheo này rằng, Đức Phật dạy như vậy: “Hiện đang bệnh, không được ngăn. Phải đợi bệnh lành đã. Trưởng lão nên nói như pháp. Vị kia cũng sẽ nói như pháp.” Tác pháp như vậy rồi sau đó tự tứ.

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày tự tứ, Tỳ-kheo bệnh ngăn Tỳ-kheo không bệnh tự tứ. Tỳ-kheo kia nên nói với Tỳ-kheo này: “Này trưởng lão, Đức Phật có nói như vậy: “Phải đợi bệnh lành đã. Ngài nên nói như pháp. Vị kia cũng nói như pháp.” Tác pháp như vậy rồi, sau đó tự tứ.

Bấy giờ, có trú xứ, đến ngày tự tứ, Tỳ-kheo không bệnh ngăn Tỳ-kheo bệnh tự tứ. Tỳ-kheo kia nên nói với Tỳ-kheo này rằng,: Đức Phật dạy như vậy: “Phải đợi bệnh lành đã. Trưởng lão nên nói như pháp. Vị kia cũng nói như pháp.” Tác pháp như vậy rồi, sau đó tự tứ.

14>4. Xem Phần I, Ch. ii. tăng-già-bà-thi-sa 8: vô căn Ba-la-di báng; và 9: giả căn báng

14>5. Xem Phần I, Ch. v. Ba-dật-đề 80: vô căn tăng-già-bà-thi-sa pháp báng.

14>6. Đột-kiết-la hoặc ác thuyết.

14>7. Đối với Tỳ-kheo phạm tội bị ngăn tự tứ có căn cứ.

14>8. Tùy ý sự (No.1446, tr.1047b15): nếu phạm ba-la-thị-ca thì tận xuất. Nếu phạm tăng già-phạt-thi-sa, thì tạm gác đó chờ tự tứ xong sẽ trị tội. Các tội khác, sám hối xong mới tự tứ.

## 7. Hạn Kỳ Tự Tứ

1. Bấy giờ, có trú xứ, có số đông Tỳ-kheo an cư tinh tấn tu hành chứng đẳng tăng thượng quả, quý vị khởi ý nghĩ: Hôm nay chúng ta tự tứ. Nếu di chuyển đến các trú xứ khác, sợ không được pháp lạc như vậy. Chúng ta nên làm thế nào? Các vị liền báo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu trú xứ có số đông Tỳ-kheo an cư tinh tấn tu hành chứng đẳng tăng thượng quả. Các Tỳ-kheo có ý nghĩ: “Hôm nay chúng ta tự tứ. Nếu di chuyển đến các trú xứ khác, sợ không được pháp lạc như vậy.” Các Tỳ-kheo nên tác bạch tăng ích tự tứ.

Văn tác bạch như sau:

- Đại đức tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hôm nay không tự tứ. Đủ bốn tháng sẽ tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Nên tác bạch như vậy rồi sau đó đủ bốn tháng mới tự tứ.

2. Bấy giờ có trú xứ, có số đông Tỳ-kheo cùng sống với nhau. Ngày tự tứ, các Tỳ-kheo nghe các Tỳ-kheo nơi trú xứ kia đấu tranh không hòa hợp, muốn đến nơi đây tự tứ<sup>14>9</sup>. Các vị không biết làm thế nào, liền báo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu trú xứ nào có số đông Tỳ-kheo cùng sống với nhau, ngày tự tứ, nghe các Tỳ-kheo trú xứ khác đấu tranh không hòa hợp, muốn đến đây tự tứ, thì Tỳ-kheo kia nên tự tứ trước hai, ba ngày. Nếu tự tứ vào ngày mười lăm thì nên tự tứ ngày mười bốn. Nếu ngày mười bốn tự tứ thì nên tự tứ ngày mười ba. Nếu nghe họ đến vào ngày hôm nay thì nên tập Tăng tự tứ gấp. Nếu nghe họ đã đến trong giới thì nên ra ngoài giới tự tứ. Nếu nghe họ đã đến trong chùa thì nên sửa soạn nước rửa, nước tắm, ghế ngồi tắm, bình tắm, dụng cụ cào đất, đồ đựng bùn, tháo đậu, dượt thảo, rồi bạch Thượng tọa nhen lửa, thỉnh Tăng vào nhà để tắm. Các cựu Tăng Tỳ-kheo nên kín đáo từ nhà tắm mọi người ra ngoài giới tự tứ. Nếu khách Tỳ-kheo kêu bảo tự tứ thì nên trả lời: “Chúng tôi tự tứ rồi.” Nếu cựu Tỳ-kheo tự tứ rồi, khách Tỳ-kheo ngăn tự tứ thì không được ngăn.<sup>1440</sup> Khi khách Tỳ-kheo đang tự tứ, cựu Tỳ-kheo ngăn thì được ngăn. Nếu có thể tạo phương tiện như vậy để tác pháp thì tốt, bằng không Tỳ-kheo kia nên tác bạch tăng thượng tự tứ.<sup>1441</sup> Văn bạch

14>9. Ngũ phần 19 (T22n1421 tr.l>>c0>): sợ các Tỳ-kheo kia, sẽ đến ngăn trú xứ này tự tứ.

1440. Cf. Vin.i. không được ngăn (phủ nhận) tự tứ đối với người đã tự tứ (na...pavāritamapi pavāran ā ahapetabbā).

1441. Tăng thượng tự tứ 增上自恣, chồng thêm ngày tự tứ.



như sau:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hôm nay Tăng không tự tứ, đến ngày thứ mười lăm không trăng sẽ tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Nên tác bạch tăng thượng tự tứ như vậy. Nếu khách Tỳ-kheo ở cho đến ngày thứ mười lăm không trăng, cựu Tỳ-kheo nên tác bạch tăng thượng tự tứ lần thứ hai. Văn bạch như sau:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hôm nay Tăng không tự tứ, đến ngày thứ mười lăm có trăng sau sẽ tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Nếu tác bạch tăng thượng tự tứ lần thứ hai như vậy mà khách Tỳ-kheo không đi, cựu Tỳ-kheo nên như pháp, như luật cương hòa hợp tự tứ.

>. Bấy giờ có trú xứ, đến ngày tự tứ, khi tự tứ không biết tội, không biết người. Tự tứ rồi biết tội biết người. Các Tỳ-kheo kia tự nghĩ, chúng ta nên làm thế nào? Các vị liền báo với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Trú xứ nào, khi tự tứ không biết tội, không biết người, tự tứ rồi biết tội biết người; nếu tự tứ rồi, không được đem những việc đã qua của người cử tội lại.

Trú xứ nào, khi tự tứ không biết tội, biết người. Tự tứ rồi biết tội, biết người. Nếu tự tứ rồi, thì không được đem những việc trước của người mà cử tội lại.

- Trú xứ nào, khi tự tứ có biết tội, không biết người. Tự tứ rồi biết tội, biết người. Nếu tự tứ rồi thì không được đem những việc trước của người cử tội lại.

4. Có trú xứ, ngày tự tứ của khách Tỳ-kheo đến là ngày mười bốn, còn cựu Tỳ-kheo ngày mười lăm. Các Tỳ-kheo không biết nên thế nào, nên báo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Nếu có trú xứ nào, ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đến với số lượng ít. Khách Tỳ-kheo ngày mười bốn (tự tứ), cựu Tỳ-kheo ngày mười lăm. Khách Tỳ-kheo nên tùy theo. Không theo, nên như pháp trị.

Có trú xứ khi tự tứ, khách Tỳ-kheo đến với số lượng bằng nhau cựu Tỳ-kheo. Khách Tỳ-kheo ngày mười bốn tự tứ, cựu Tỳ-kheo ngày mười lăm. Khách Tỳ-kheo bằng nhau đó nên theo cựu Tỳ-kheo. Không theo, sẽ như pháp trị.

Khi tự tứ, có trú xứ, khách Tỳ-kheo đến đông. Khách Tỳ-kheo thì ngày mười bốn tự tứ, còn cựu Tỳ-kheo ngày mười lăm. Cựu Tỳ-kheo ít,

nên cùng khách Tỳ-kheo cầu hòa hợp. Nếu cùng hòa hợp thì tốt. Bằng không hòa hợp, cữu Tỳ-kheo nên ra ngoài giới tự tứ.

Ngày tự tứ, có trú xứ, khách Tỳ-kheo đến ít. Khách Tỳ-kheo ngày mười lăm, cữu Tỳ-kheo ngày mười bốn. Khách Tỳ-kheo đến ít nên theo cữu Tỳ-kheo cầu hòa hợp, nếu cùng hòa hợp thì tốt, bằng không, khách Tỳ-kheo nên ra ngoài giới tự tứ.

Ngày tự tứ, có trú xứ, khách Tỳ-kheo đến số lượng bằng cữu Tỳ-kheo. Khách Tỳ-kheo ngày mười lăm, cữu Tỳ-kheo ngày mười bốn. Khách Tỳ-kheo bằng nên theo cữu Tỳ-kheo cầu hòa hợp, cùng hòa hợp thì tốt, bằng không, khách Tỳ-kheo nên ra ngoài giới tự tứ.

Ngày tự tứ, có trú xứ, khách Tỳ-kheo đến nhiều. Khách Tỳ-kheo ngày mười lăm, cữu Tỳ-kheo ngày mười bốn. Cữu Tỳ-kheo ít nên theo khách Tỳ-kheo cầu hòa hợp, theo được thì tốt, bằng không, như pháp trị. Khách Tỳ-kheo ngày mười sáu, cữu Tỳ-kheo ngày mười lăm cũng như vậy.

5. Ngày tự tứ, có trú xứ cữu Tỳ-kheo tập hợp muốn tự tứ. Khi tự tứ, khách Tỳ-kheo đến. Tỳ-kheo kia nghĩ: chúng ta nên làm thế nào? Họ liền báo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Nếu ngày tự tứ, trú xứ nào cữu Tỳ-kheo tập hợp muốn tự tứ. Khi tự tứ, khách Tỳ-kheo đến ít. Khách Tỳ-kheo nếu là cấp thượng tọa thì tùy theo cấp thượng tọa mà thứ tự tự tứ. Nếu cấp hạ tọa thì theo cấp hạ tọa mà thứ tự tự tứ. Nếu đã nói tự tứ xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, khách Tỳ-kheo đến với số ít, nên công bố sự thanh tịnh. Nếu không công bố thì sẽ như pháp trị.

- Ngày tự tứ, cữu Tỳ-kheo muốn tự tứ. Có khách Tỳ-kheo đến với số lượng ngang bằng, cữu Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không tự tứ, sẽ như pháp trị. Tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay hầu hết chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, khách Tỳ-kheo đến với số lượng ngang bằng, cữu Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị.<sup>1442</sup>

- Ngày tự tứ, trú xứ cữu Tỳ-kheo sắp sửa tự tứ, khách Tỳ-kheo đến với số nhiều. Cữu Tỳ-kheo nên tự tứ lại, nếu không tự tứ sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, khách Tỳ-kheo đến với số lượng nhiều, cữu

1442. Thập tụng 2> (No.14>5, tr.167b7): “Các Tỳ-kheo ấy nên tự tứ lại Tỳ-kheo trước đó đã tự tứ như vậy, không có tội.” Cf. Pali, Vin. i. 165: Trong khi đang tự tứ, khách Tỳ-kheo đến, đông hơn; các Tỳ-kheo trú xứ tự tứ lại (tehi bhikkhūhi puna pavāretabba). Khách Tỳ-kheo với số lượng bằng, hay ít hơn, ai đã tự tứ là tự tứ tốt. Ai chưa tự tứ thì tự tứ. (pavāritā suppvāritā, avaseshi pavāretabba). Những người đã tự tứ, không có tội (pavāritānam anāpatti).

Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị.

Trú xứ nào ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đang ngồi sắp sửa tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến với số ít. Nếu cữ Tỳ-kheo là hàng Thượng tọa thì theo chỗ hàng Thượng tọa tự tứ. Nếu là hạ tọa theo chỗ của hạ tọa tự tứ. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, cữ Tỳ-kheo đến với số ít, nên nói thanh tịnh tự tứ. Nếu không nói, sẽ như pháp trị.

Trú xứ nào ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đang ngồi sắp sửa tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến với số lượng bằng nhau. Khách Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cữ Tỳ-kheo đến với số lượng bằng, khách Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị.

Trú xứ nào ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đang ngồi sắp tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến với số nhiều. Khách Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Không tự tứ, sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, cữ Tỳ-kheo đến với số nhiều. Khách Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Không vậy, sẽ như pháp trị.

Cữ Tỳ-kheo tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến cũng như vậy. Khách Tỳ-kheo tự tứ, khách Tỳ-kheo đến cũng như vậy.

### **8. Khách Tự Tứ**

1. Có một trú xứ, ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đến. Khách Tỳ-kheo biết cữ Tỳ-kheo chưa đến, nói: Chúng ta có năm người, hoặc hơn năm người, có thể tác yết-ma tự tứ. Bèn tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến. Khách Tỳ-kheo nghĩ: Ta nên làm thế nào? Họ liền báo với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu ngày tự tứ trú xứ nào có khách Tỳ-kheo đến. Khách Tỳ-kheo biết có cữ Tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: “Chúng ta có năm người, hay hơn năm người, có thể tác yết-ma tự tứ.” Vị ấy liền tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến với số ít. Cữ Tỳ-kheo là hàng thượng tọa thì Tỳ-kheo theo thứ tự của thượng tọa tự tứ. Hạ tọa theo thứ tự của hạ tọa tự tứ. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay hầu hết chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cữ Tỳ-kheo đến với số lượng ít. Cữ Tỳ-kheo nên nói thanh tịnh tự tứ. Nếu không, sẽ như pháp trị.

- Trú xứ nào ngày tự tứ khách Tỳ-kheo đến, khách Tỳ-kheo biết cữ Tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: “Chúng ta có năm người hay hơn năm người có thể tác yết-ma tự tứ.” Họ liền tác yết-ma tự tứ. Khi tác

yết-ma tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến với số lượng ngang bằng. Khách Tỳ-kheo nên tự tứ lại, nếu không sẽ như pháp trị. Tự tứ rồi, cả chúng chưa đứng dậy, hay phần đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cữ Tỳ-kheo đến với số lượng bằng, khách Tỳ-kheo nên tự tứ lại, nếu không sẽ như pháp trị.

- Trú xứ nào, ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đến. Khách Tỳ-kheo biết cữ Tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: “Nếu chúng ta có năm người, hay hơn năm người, có thể cùng tác yết-ma tự tứ.” Các vị ấy liền tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến với số lượng nhiều. Khách Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Bằng không, sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc hầu hết chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, cữ Tỳ-kheo đến với số đông, khách Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Bằng không, sẽ như pháp trị.

- Trú xứ nào, ngày tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến. Cữ Tỳ-kheo biết khách Tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: “Nếu chúng ta có năm người hay hơn năm người có thể tác yết-ma tự tứ.” Khi tác yết-ma tự tứ, khách Tỳ-kheo đến với số lượng ít. Khách Tỳ-kheo cấp Thượng tọa thì theo cấp Thượng tọa mà tự tứ, hạ tọa thì theo thứ tự hạ tọa tự tứ. Nếu tự tứ rồi, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc số đông chưa đứng dậy, hay đều đã đứng dậy, khách Tỳ-kheo đến với số ít, nên nói thanh tịnh tự tứ, nếu không nói sẽ như pháp trị.

- Trú xứ nào ngày tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến. Cữ Tỳ-kheo biết khách Tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: “Nếu chúng ta có năm người, hay hơn năm người, có thể tác yết-ma tự tứ.” Khi tác yết-ma tự tứ, khách Tỳ-kheo đến với số lượng bằng. Cữ Tỳ-kheo nên tác pháp tự tứ lại. Bằng không, sẽ như pháp trị. Tự tứ đã xong, cả chúng chưa đứng dậy, hay hầu hết chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, cữ Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Bằng không, sẽ như pháp trị.

- Trú xứ nào ngày tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến. Cữ Tỳ-kheo biết khách Tỳ-kheo chưa đến, nhưng nói: “Nếu chúng ta có năm người, hay hơn năm người, có thể tác yết-ma tự tứ.” Khi tác yết-ma tự tứ, khách Tỳ-kheo đến với số lượng đông hơn, cữ Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Bằng không sẽ như pháp trị. Nếu tự tứ rồi, cả chúng chưa đứng dậy, hay số đông chưa đứng dậy, hoặc đều đã đứng dậy, khách Tỳ-kheo đến với số lượng nhiều hơn, cữ Tỳ-kheo nên tự tứ lại. Nếu không, sẽ như pháp trị.

- Khách Tỳ-kheo tự tứ, khách Tỳ-kheo đến cũng như vậy. Cữ Tỳ-kheo tự tứ, cữ Tỳ-kheo đến cũng như vậy.

2. Hoặc nói nên tự tứ,<sup>144></sup> hoặc nói không nên tự tứ. Nếu có người không đến, bèn nói rằng, “Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!” Muốn làm mọi phương tiện, để phá hoại người khác, bèn tác yết-ma tự tứ. Nếu kia tác yết-ma, Tỳ-kheo kia không thành tựu pháp tác yết-ma, mắc tội Thâu-lan-giá.

Bấy giờ là ngày tự tứ, nếu khách Tỳ-kheo đến thấy dấu hiệu của cụu Tỳ-kheo như treo giường dây, trải giường cây, phu cụ, nệm lông, gối, chỗ rửa chân. Thấy dấu hiệu rồi, không tìm kiếm, bèn tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cụu Tỳ-kheo đến. Khách Tỳ-kheo tự nghĩ: “Ta nên làm thế nào?” Các vị ấy liền báo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu ngày tự tứ, có khách Tỳ-kheo đến, thấy có dấu hiệu của cụu trú Tỳ-kheo như treo giường dây, trải giường cây, phu cụ, nệm lông, gối, chỗ rửa chân. Thấy có dấu hiệu mà không tìm kiếm liền tác yết-ma tự tứ. Nếu tác yết-ma tự tứ như vậy, thì không thành yết-ma tự tứ, lại có tội.

- Thấy dấu hiệu rồi tìm kiếm. Tìm mà không được, nên kêu. Nếu không kêu mà tác yết-ma tự tứ, không thành yết-ma tự tứ, lại có tội.

- Thấy có dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm không được, bèn nói: “Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!” Dùng nhiều phương tiện muốn phá hoại người khác, bèn tác yết-ma tự tứ. Sự yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia không thành tựu, mắc Thâu-lan-giá.

- Thấy dấu hiệu liền tìm. Tìm không được, bèn kêu. Kêu rồi tác yết-ma tự tứ. Sự yết-ma của Tỳ-kheo kia tuy không phạm tội nhưng không thành tựu.

- Thấy rồi liền tìm. Tìm được, hòa hợp yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia thành tựu, và không mắc tội.

- Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

- Có trú xứ, ngày tự tứ, cụu Tỳ-kheo đến thấy dấu hiệu khách Tỳ-kheo như y bát, tọa cụ, ống đựng kim, chỗ rửa chân, mà không tìm kiếm, bèn tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia không thành tựu, mắc tội.

- Thấy dấu hiệu liền tìm. Tìm không được nên kêu. Nếu không kêu mà tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ không thành tựu, lại có tội.

- Thấy có dấu hiệu rồi liền tìm kiếm. Tìm không được, bèn nói: “Hãy biến mất đi! Hãy diệt mất đi!” Dùng nhiều phương tiện muốn phá

144>. Xem Ch.ii. Bồ tát, mục III.6. Phá yết-ma & cht. 211.

hoại người khác, bèn tác yết-ma tự tứ. Sự yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia không thành tựu, mắc Thâu-lan-giá.

- Thấy dấu hiệu rồi liền tìm. Tìm không được, bèn kêu. Kêu rồi, tác yết-ma tự tứ. Yết-ma của Tỳ-kheo kia tuy không thành tựu, nhưng không phạm tội.

- Thấy dấu hiệu rồi tìm kiếm. Tìm được, hòa hợp yết-ma tự tứ. Yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia thành tựu, và không mắc tội.

- Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

Ngày tự tứ, có trú xứ khách Tỳ-kheo đến nghe tiếng cựa Tỳ-kheo kinh hành, tiếng tăng hắng, tiếng tụng kinh, tiếng bàn luận. Nghe mà không tìm kiếm, liền tác yết-ma tự tứ. Khi tác yết-ma tự tứ, cựa Tỳ-kheo đến vị kia không biết nên như thế nào, liền báo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu ngày tự tứ, có trú xứ nào, khách Tỳ-kheo đến nghe tiếng cựa Tỳ-kheo đi kinh hành, tiếng tăng hắng, tiếng tụng kinh, tiếng bàn luận. Nghe tiếng mà không tìm cầu liền tác yết-ma tự tứ, thì không thành tựu mà mắc tội.

- Từ “Nghe rồi tìm” cho đến “Hòa hợp tự tứ” cũng như vậy.

- Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

- Có trú xứ nào, ngày tự tứ, cựa Tỳ-kheo lại, nghe tiếng khách Tỳ-kheo đến, tiếng tụng kinh, tiếng tăng hắng, tiếng kinh hành, tiếng bàn luận, tiếng đập dũ y. Nghe rồi mà không tìm liền tác yết-ma tự tứ, yết-ma của Tỳ-kheo kia không thành tựu, lại có tội.

- Từ “Nghe rồi tìm” cho đến “Hòa hợp tự tứ” cũng như vậy.

- Nghe, nghi cũng như vậy.

Có trú xứ, ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đến, thấy cựa Tỳ-kheo trên giới trường mà không tìm. Các Tỳ-kheo liền tác pháp yết-ma tự tứ. Các Tỳ-kheo không biết thế nào liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Trú xứ nào, ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đến, thấy cựa Tỳ-kheo ở trên giới trường mà không tìm, liền tác yết-ma tự tứ, yết-ma của Tỳ-kheo kia tuy thành tựu nhưng có tội.

- Nếu thấy mà tìm. Tìm mà không kêu bèn tác yết-ma tự tứ. Yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia tuy thành tựu nhưng có tội.

- Nếu thấy mà tìm cầu, tìm cầu rồi kêu, tác yết-ma tự tứ, Tỳ-kheo kia không phá yết-ma, không tội.

- Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

- Trú xứ nào, ngày tự tứ cựa Tỳ-kheo đến, thấy khách Tỳ-kheo ở trên giới trường, thấy mà không tìm cầu. Các Tỳ-kheo liền tác yết-ma

tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia tuy thành tựu, nhưng có tội.

- Nếu thấy liền tìm cầu, tìm cầu không được mà không kêu bèn tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia tuy thành, nhưng có tội.

- Nếu thấy mà tìm cầu, tìm cầu rồi kêu, tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma của Tỳ-kheo kia thành tựu, và không tội.

- Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

- Khách Tỳ-kheo nghe cựu Tỳ-kheo cũng như vậy.

- Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

- Cựu Tỳ-kheo nghe khách Tỳ-kheo cũng như vậy.

- Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

Có trú xứ ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đến, thấy cựu Tỳ-kheo ở trong cương giới. Thấy mà không tìm cầu, liền tác yết-ma tự tứ. Khi tự tứ, thấy cựu Tỳ-kheo đến, không biết làm thế nào, liền báo các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu có trú xứ nào ngày tự tứ, khách Tỳ-kheo đến, thấy cựu Tỳ-kheo ở trong cương giới, thấy mà không tìm cầu liền tác yết-ma tự tứ, yết-ma của Tỳ-kheo kia không thành tựu, có tội.

- Thấy mà tìm cầu, tìm cầu rồi không kêu bèn tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma của Tỳ-kheo kia không thành tựu, và có tội.

- Thấy mà tìm cầu, tìm cầu rồi kêu hòa hợp tác yết-ma tự tứ, thì sự yết-ma tự tứ của Tỳ-kheo kia thành tựu, và không tội.

- Thấy nhưng nghi cũng như vậy.

- Khách Tỳ-kheo nghe cựu Tỳ-kheo cũng như vậy.

- Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

- Cựu Tỳ-kheo nghe khách Tỳ-kheo cũng như vậy.

- Nghe nhưng nghi cũng như vậy.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo có ý nghĩ: Chúng ta hãy từ nơi có trú xứ có Tỳ-kheo đến nơi có trú xứ không Tỳ-kheo. Vì sợ các Tỳ-kheo khác vì chúng ta tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ.<sup>1444</sup> Các Tỳ-kheo liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên có ý nghĩ như vậy.

Từ nơi có trú xứ có Tỳ-kheo đến nơi có trú xứ không Tỳ-kheo, vì sợ các Tỳ-kheo khác vì họ tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ. Vì kia nghĩ: “Ta hãy từ nơi có trú xứ có Tỳ-kheo đến nơi không trú xứ không Tỳ-kheo. Vì sợ các Tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ.” Đức Phật dạy:

1444. Xem Ch. ii. Thuyết giới, Mục iii.9 Chuyển trú xứ.

- Không nên có ý nghĩ như vậy.

Từ nơi có trú xứ có Tỳ-kheo đến nơi không trú xứ không Tỳ-kheo, vì sợ các Tỳ-kheo khác vì họ tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ. Vì kia có ý nghĩ: “Ta hãy từ nơi có Tỳ-kheo có trú xứ đến chỗ không Tỳ-kheo có trú xứ, hay không trú xứ, hoặc ở trên giới trường. Vì sợ các Tỳ-kheo khác vì ta tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ.” Đức Phật dạy:

- Không nên có ý nghĩ như vậy.

- Từ nơi có Tỳ-kheo có trú xứ đến nơi không Tỳ-kheo có trú xứ hay không trú xứ, hoặc ở trên giới trường với Tỳ-kheo, sợ các Tỳ-kheo khác vì họ tác yết-ma, hoặc ngăn tự tứ. Nếu không có Tăng cùng đi, không nạn sự mà đi thì mắc đột-kết-la.

- Từ nơi có Tỳ-kheo không trú xứ đến nơi không Tỳ-kheo có trú xứ cũng như vậy.

- Từ nơi có Tỳ-kheo không trú xứ đến nơi không Tỳ-kheo không trú xứ cũng như vậy.

- Từ nơi có Tỳ-kheo có trú xứ, không trú xứ đến nơi không Tỳ-kheo có trú xứ, không trú xứ cũng như vậy.

- Vì thân hữu tri thức cũng như vậy.

Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo-ni có ý như vậy: Chúng ta hãy đến trong chùa ngăn các Tỳ-kheo đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

>. Tỳ-kheo-ni không được có ý nghĩ như vậy: “Đến trong chùa ngăn các Tỳ-kheo đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu Tỳ-kheo.” Không được trước Tỳ-kheo-ni tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.

Các Tỳ-kheo-ni, sai Thức-xoa-ma-na, Sa-di ni đến trong chùa ngăn các Tỳ-kheo khác, đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo-ni không được sai Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni đến trong chùa ngăn các Tỳ-kheo khác, đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu Tỳ-kheo. Không được trước Thức-xoa-ma-na, Sa-di ni tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.

Các Tỳ-kheo-ni lại có ý niệm sai bạch y thân hữu đến trong chùa ngăn các Tỳ-kheo, đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo-ni không nên có ý nghĩ sai bạch y thân hữu đến trong chùa ngăn các Tỳ-kheo khác, đừng tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ đối với nhóm sáu Tỳ-kheo. Không được trước bạch y tác yết-ma hoặc ngăn tự tứ.



---

Bấy giờ Vua Ba-tư-nặc sai quân đến hộ vệ cho chúng Tăng. Các Tỳ-kheo nói với các binh lính:

- Quý vị đi ra ngoài một chút, chúng tôi muốn tác yết-ma tự tứ.

Quân lính nói:

- Vua sai chúng tôi đến đây để hộ vệ chúng Tăng. Chúng tôi không dám đi chỗ khác.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nên nói một lần nữa, yêu cầu họ tránh đi chỗ khác. Nếu họ đi thì tốt, bằng không đi tự mình nên đi đến chỗ không thấy không nghe tác yết-ma tự tứ, chứ không được ở trước người chưa thọ đại giới tác yết-ma tự tứ.

Khi các loại trời rồng, dạ xoa đến nghe tự tứ. Tỳ-kheo có thiên nhãn thấy, sinh tâm e ngại, vì Đức Phật không cho phép Tỳ-kheo trước người chưa thọ đại giới tự tứ, nên liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Trừ loài người chưa thọ đại giới, ngoài ra cho phép yết-ma tự tứ.

Có vị tự tứ rồi lại thuyết giới nên ngồi lâu mỗi một. Các Tỳ-kheo

bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được tự tứ rồi lại thuyết giới. Tự tứ tức là thuyết giới.

Đức Phật dạy như vậy.

